

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE

Số: 102 /2019 CV/VCS-QHCB

V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo kết quả kinh doanh
Quý III năm 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty") mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Quý III năm 2019 so với Quý III năm 2018 chi tiết như sau:

I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Quý III.2019	Quý III.2018	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	1,455,673,010,427	1,062,580,777,718	393,092,232,709	36.99
11	Giá vốn hàng bán	977,274,867,722	706,969,646,244	270,305,221,478	38.23
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	478,398,142,705	355,611,131,474	122,787,011,231	34.53
21	Doanh thu hoạt động tài chính	10,908,764,468	14,474,272,543	(3,565,508,075)	(24.63)
22	Chi phí tài chính	15,262,727,209	19,786,275,025	(4,523,547,816)	(22.86)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	9,916,626,512	9,066,142,786	850,483,726	9.38
25	Chi phí bán hàng	32,870,956,445	24,615,881,635	8,255,074,810	33.54
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12,598,664,835	10,912,231,670	1,686,433,165	15.45
31	Thu nhập khác	389,723,209	370,851,095	18,872,114	5.09
32	Chi phí khác	586,615,270	373,320,183	213,295,087	57.13
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	428,377,666,623	314,768,546,599	113,609,120,024	36.09
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	64,009,672,332	45,421,253,749	18,588,418,583	40.92
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	364,367,994,291	269,347,292,850	95,020,701,441	35.28



II. Nguyên nhân biến động

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty tăng 393,092,232,709 đồng (36.99 %) so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu do doanh thu thành phẩm tăng 461,095,119,637 đồng (50.65%), doanh thu nguyên vật liệu, phụ tùng giảm 68,002,886,928 đồng (-44.67%)

2. Lượng hàng bán ra tăng lên làm cho giá vốn cũng tăng: Giá vốn hàng bán tăng 270,305,221,478 đồng (38.23 %) trong đó: Giá vốn của thành phẩm tăng: 329,045,137,545 đồng; giá vốn của nguyên vật liệu, phụ tùng giảm: 60,735,948,158 đồng

3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 122,787,011,231 đồng (34.53%), chủ yếu do:

- Lợi nhuận gộp của thành phẩm bán ra tăng 132,049,982,092 đồng (38.53%)
- Lợi nhuận gộp về bán nguyên vật liệu, phụ tùng giảm 7,266,938,770 đồng (-66.53%).

4. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 3,565,508,075 đồng (-24.63%), nguyên nhân do:

- Lãi chênh lệch tỷ giá giảm 5,809,390,399 đồng (-46.47%)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng 2,243,882,324 đồng (113.78%)

5. Chi phí tài chính giảm 4,523,547,816 đồng (-22.86%), nguyên nhân do:

- Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm 5,374,031,542 đồng (-50.13%)
- Chi phí lãi vay tăng 850,483,726 đồng (9.38%)

6. Cùng với sự tăng lên của doanh thu, chi phí bán hàng tăng 8,255,074,810 đồng (33.54%), cụ thể:

- Chi phí nhân viên bán hàng tăng: 890,180,724 đồng.
- Chi phí vật liệu, dụng cụ bán hàng tăng: 326,665,969 đồng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng: 5,237,578,078 đồng
- Chi phí bằng tiền khác tăng: 1,746,245,705 đồng

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 1,686,433,165 đồng (15.45%) nguyên nhân chủ yếu do chi phí nhân viên tăng 692,955,230 đồng; chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 1,279,760,863 đồng

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 113,609,120,024 đồng (36.09%) lợi nhuận sau thuế tăng: 95,020,701,441 đồng (35.28%) so với cùng kỳ năm trước do các nguyên nhân: Doanh thu của thành phẩm tăng, chi phí tài chính giảm.

Xin chân thành cảm ơn./

Nơi nhận: *Sly*
- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT



[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn